

## THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng ngay khi mới mở cửa phiên sáng lên ngưỡng 1,320. Tuy nhiên, áp lực chốt lời tại đây đã đẩy chỉ số xuống giằng co trong vùng 1,310 – 1,315 trước khi lùi tiếp xuống đóng cửa tại mốc 1,304.71 điểm, giảm hơn 7 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, duy chỉ có ngành Bán lẻ ghi nhận đà tăng nhẹ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn đang duy trì; tuy nhiên, kết phiên, chỉ số tạo thành bộ nến bao trùm giảm điểm, phát đi tín hiệu có thể đảo chiều ngắn hạn. Các nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2504, VN30F2506.

## CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

## ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-7.20** điểm, đóng cửa tại **1304.71** điểm. HNX-Index **-1.94** điểm, đóng cửa tại **235.41** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.65)**, **VIC (+0.28)**, **MBB (+0.22)**, **LPB (+0.22)**, **SBT (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.51)**, **GVR (-0.47)**, **HPG (-0.46)**, **VNM (-0.40)**, **GAS (-0.39)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,293** tỷ đồng, giảm **-13.65%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,156 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.81 điểm. Thị trường có **128** mã tăng, 69 mã tham chiếu, **343** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-355.50** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GMD (-97.97 tỷ)**, **HPG (-96.03 tỷ)**, **VIB (-76.39 tỷ)**, **NLG (-74.25 tỷ)**, **VCB (-66.17 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.14** tỷ đồng.

## DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.03%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - VHM (+1.55%)**
  - MBB (+0.64%)** [\(Link báo cáo\)](#)
  - MWG (+0.17%)**
- BSC50 **-1.19%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - BMP (+4.39%)**
  - FRT (+1.11%)**
  - VTP (+0.83%)**

### Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	<b>-1.03%</b>	<b>-1.19%</b>	<b>-0.55%</b>	<b>-0.30%</b>
1 tuần	<b>0.99%</b>	<b>0.92%</b>	<b>0.13%</b>	<b>0.25%</b>
1 tháng	<b>3.36%</b>	<b>6.85%</b>	<b>4.12%</b>	<b>3.68%</b>
3 tháng	<b>0.66%</b>	<b>4.46%</b>	<b>2.93%</b>	<b>1.97%</b>

### Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,304.71	235.41	98.69
% 1D	<b>-0.55%</b>	<b>-0.82%</b>	<b>-0.41%</b>
GTGD (tỷ VND)	17,293	941	690
%1D	<b>-13.65%</b>	<b>-9.01%</b>	<b>-10.17%</b>
GDNN (tỷ VND)	<b>-355.50</b>	<b>2.14</b>	<b>-26.10</b>

### Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	<b>140.85</b>	GMD	<b>-97.97</b>
TNH	<b>113.23</b>	HPG	<b>-96.03</b>
VHM	<b>73.36</b>	VIB	<b>-76.39</b>
CTG	<b>60.99</b>	NLG	<b>-74.25</b>
VCI	<b>52.00</b>	VCB	<b>-66.17</b>

### Thị trường thế giới

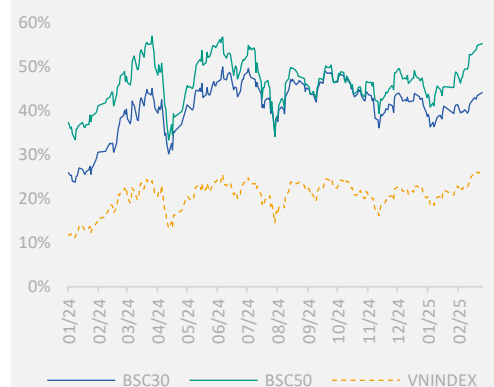
		%D	%W
SPX	5,778	<b>-1.22%</b>	<b>-2.97%</b>
FTSE100	8,808	<b>0.56%</b>	<b>0.88%</b>
Eurostoxx	5,499	<b>1.96%</b>	<b>-0.19%</b>
Shanghai	3,342	<b>0.55%</b>	<b>-1.12%</b>
Nikkei	37,377	<b>0.16%</b>	<b>-2.02%</b>

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
<b>Hàng hóa</b>		
Giá dầu Brent	70.69	<b>-0.65%</b>
Giá vàng	2,920	<b>-0.20%</b>
<b>Tỷ giá</b>		
USD/VND	25,720	<b>-0.12%</b>
EUR/VND	27,840	<b>0.71%</b>
JPY/VND	175	0.00%
<b>Lãi suất</b>		
LS TPCP 10Y	3.1%	<b>-0.06%</b>
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

### Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin nhanh	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Danh mục BSC30	Trang 5
Danh mục BSC50	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

**TIN NHANH**
**Một số lưu ý về Quy định mới đối với bộ chỉ số VN30-Index cho kỳ review Q2/2025**

Quyết định số 747/QĐ-SGDHCM ngày 30/12/2024 của HOSE sẽ có hiệu lực sau 60 ngày, như vậy những quy tắc mới của bộ chỉ số **HOSE-Index 4.0 sẽ được áp dụng bắt đầu từ tháng 03/2025**.

Vấn đề đáng lưu ý đối với chỉ số VN30 trong kỳ đánh giá Quý 2/2025 sẽ tập trung vào quy tắc giới hạn các nhóm ngành theo chuẩn GICS 1 ở mức 40%. Hiện nay, nhóm ngành Tài chính theo chuẩn GICS 1 trong rổ chỉ số VN30 gồm các cổ phiếu thuộc nhóm phân ngành nhỏ hơn gồm: Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm.

Khi đến thời điểm **cơ cấu định kỳ**, các cổ phiếu nhóm ngành tài chính sẽ bị giảm tỷ trọng và các cổ phiếu thuộc nhóm ngành còn lại trong rổ VN30 sẽ được tái phân bổ dòng vốn (*không có trường hợp cổ phiếu hiện tại bị loại bỏ để thêm mới các cổ phiếu khác*).

**- Về dự báo các cổ phiếu mới dự kiến thêm vào/bị loại bỏ khỏi rổ VN30-Index**

Trong năm 2024, BSC cũng đã lưu ý về các trường hợp của LPB, POW, BSR, ACV... Đối với trường hợp khả năng thêm LPB và loại POW BSC đã có báo cáo 03-04 tháng trước khi HOSE công bố chính thức.

Nếu không có các trường hợp/sự kiện đặc biệt xảy ra khiến 01 cổ phiếu bị loại khỏi VN30, thông tin về thay đổi danh mục cổ phiếu thành phần định kỳ sắp tới sẽ được công bố vào thứ 4 lần thứ 3 của Tháng 01 và Tháng 07 (áp dụng kể từ ngày 28/02/2025) – kỳ công bố tiếp theo dự kiến sẽ vào ngày **16/07/2025**.

**Một số điểm các anh/chị cần lưu ý trong Quý 2/2025 như sau:**

- **Nhóm Tài chính: Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm sẽ bị bán để giảm tỷ trọng**

- **Nhóm còn lại: sẽ được tái phân bổ dòng tiền để mua gia tăng**

BSC thực hiện tính toán giả định dựa trên giá đóng cửa ngày 03/03/2025 (*Chi tiết tại ảnh dưới*).

**Một số mốc thời gian đáng chú ý:**

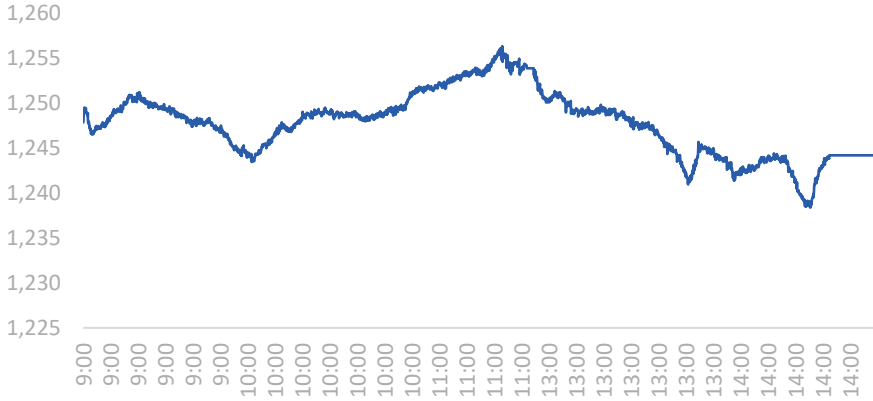
- **Thời điểm HOSE công bố các trọng số** (free-float, khối lượng lưu hành...): Thứ Tư lần thứ 03 của tháng 01, 04, 07, 10 -> Ngày **16/04/2025**.

- **Thời điểm hiệu lực của trọng số mới:** Thứ Hai lần thứ 1 của tháng 02, 05, 08, 11 -> Ngày **05/05/2025**. Cũng cần lưu ý thời điểm này trùng vào lịch nghỉ lễ 30/04 – 01/05 nên hoạt động cơ cấu sẽ diễn ra trước ngày nghỉ lễ (dự kiến là hoàn thành trong ngày 29/04/2025).

**BSC dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu theo chỉ số VN30, cụ thể như sau:**

STT	Mã	Giá trị mua/bán (tỷ đồng)	SLCP mua/bán	Số phiên GD dự kiến
1	VJC	132.7	1,369,006	2.22
2	VIC	230.7	5,486,304	1.32
3	VHM	226.6	5,325,238	1.04
4	SAB	36.6	707,960	1.01
5	VNM	268.6	4,249,371	0.94
6	MSN	251.7	3,701,929	0.75
7	GAS	34.7	505,655	0.69
8	MWG	331.7	5,641,900	0.66
9	VRE	79.2	4,471,780	0.62
10	PLX	20.6	465,066	0.31
11	HPG	196.5	7,005,588	0.27
12	GVR	21.4	645,919	0.21
13	FPT	96.0	683,005	0.13
14	BID	(21.1)	(515,407)	(0.13)
15	SSI	(77.3)	(2,906,203)	(0.19)
16	BCM	(5.8)	(76,945)	(0.19)
17	BVH	(10.8)	(189,106)	(0.22)
18	TPB	(48.0)	(2,965,096)	(0.22)
19	CTG	(73.1)	(1,772,173)	(0.23)
20	SHB	(56.7)	(5,717,702)	(0.25)
21	STB	(141.1)	(3,632,284)	(0.37)
22	VIB	(79.7)	(3,796,792)	(0.45)
23	HDB	(122.8)	(5,338,469)	(0.47)
24	MBB	(155.3)	(6,723,905)	(0.48)
25	TCB	(243.1)	(9,312,496)	(0.50)
26	VPB	(176.6)	(9,197,616)	(0.52)
27	VCB	(129.7)	(1,389,702)	(0.79)
28	ACB	(214.3)	(8,243,589)	(1.08)
29	SSB	(80.3)	(4,127,198)	(1.10)
30	LPB	(213.1)	(5,935,456)	(1.59)

Nguồn: BSC Research

**THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**
**VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday**

*Nguồn: BSC Research*

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1369.30	-0.05%	56	-18%	9/18/2025	196
VN30F2504	1367.20	0.04%	998	-1%	4/17/2025	42
VN30F2503	1365.20	-0.13%	168,137	-16%	3/20/2025	14
VN30F2506	1368.60	0.03%	51	-11%	6/19/2025	105

*Nguồn: FiinproX, BSC Research*

Nguyen Giang Anh

[anhng@bsc.com.vn](mailto:anhng@bsc.com.vn)
**Top CP tác động tích cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	35.80	0.85%	0.80
VHM	42.70	1.55%	0.63
MBB	23.55	0.64%	0.47
VIC	42.25	0.72%	0.32
MWG	59.60	0.17%	0.11

*Nguồn: Bloomberg, BSC Research*
**Top CP tác động tiêu cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.55	-1.08%	-0.97
TCB	27.30	-0.73%	-0.85
FPT	139.10	-0.64%	-0.78
STB	38.80	-1.02%	-0.69
MSN	68.20	-1.30%	-0.65

*Nguồn: Bloomberg, BSC Research*
**Nhận định**

- VN30 -4.06 điểm, đóng cửa tại 1363.91 điểm. Biên độ dao động 15.75 điểm. Các cổ phiếu như HPG, TCB, FPT, STB, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực chốt lời khiến VN30 giảm xuống dưới mốc tham chiếu cuối phiên. Thanh khoản sụt giảm so với phiên trước đó tuy nhiên vẫn nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2504, VN30F2506. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506.

**Thị trường chứng quyền có bảo đảm**

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2503	6/30/2025	117	100	-81.11%	4.26	1,240	39.3%	12.68	7.98	42.25	42.25
CVHM2411	6/30/2025	117	135,300	-83.59%	5.06	390	34.5%	7.54	7.01	42.70	42.70
CSSB2401	3/28/2025	23	620,800	-87.66%	2.00	100	25.0%	4.36	2.40	19.45	19.45
CTPB2501	6/30/2025	117	68,400	-80.99%	1.77	1,290	21.7%	14.36	3.06	16.10	16.10
CHPG2507	6/30/2025	117	21,100	-83.45%	2.96	800	14.3%	12.32	4.56	27.55	27.55
CMWG2410	6/30/2025	117	294,800	-83.43%	7.08	280	12.0%	5.26	9.88	59.60	59.60
CMBB2402	5/21/2025	77	2,760,300	-71.91%	2.35	2,180	9.5%	10.85	6.61	23.55	23.55
CMBB2409	6/30/2025	117	322,000	-77.75%	2.89	470	9.3%	4.14	5.24	23.55	23.55
CTCB2405	3/28/2025	23	100	-83.56%	2.69	360	9.1%	4.92	4.49	27.30	27.30
CVIC2406	3/28/2025	23	4,000	-87.48%	4.69	120	9.1%	7.52	5.29	42.25	42.25
CACB2504	5/26/2025	82	5,560,900	-83.48%	2.60	860	8.9%	11.79	4.32	26.15	26.15
CVRE2410	6/30/2025	117	1,017,400	-84.74%	2.19	130	8.3%	3.90	2.71	17.75	17.75
CMBB2406	4/28/2025	54	1,222,400	-77.66%	2.50	690	7.8%	5.27	5.26	23.55	23.55
CVHM2408	11/4/2025	244	1,087,900	-71.43%	3.80	2,100	7.7%	9.75	12.20	42.70	42.70
CTCB2406	6/30/2025	117	22,600	-81.88%	2.80	430	7.5%	4.91	4.95	27.30	27.30
CSTB2502	9/26/2025	205	3,000	-70.52%	3.55	2,630	7.3%	11.78	11.44	38.80	38.80
CMBB2407	11/4/2025	244	1,017,100	-74.52%	2.60	1,700	6.9%	10.52	6.00	23.55	23.55
CSHB2501	6/26/2025	113	57,300	-73.29%	0.99	930	6.9%	5.00	2.67	9.99	9.99
CHDB2501	6/30/2025	117	15,300	-83.06%	2.48	700	6.1%	10.23	3.88	22.90	22.90
CMBB2408	3/28/2025	23	184,900	-84.38%	2.78	180	5.9%	4.16	3.68	23.55	23.55

**Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất  
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

\*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 05/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2503 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 39.33%. CMBB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.30%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CMBB2505, CSTB2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CVHM2504, CVIB2503, CSTB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**
**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	42.70	1.55%	0.65	4.11
VIC	42.25	0.72%	0.28	3.82
MBB	23.55	0.64%	0.22	6.10
LPB	35.80	0.85%	0.22	2.99
SBT	14.40	5.49%	0.15	0.81

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	41.20	-0.96%	-0.51	5.37
GVR	33.00	-1.49%	-0.47	4.00
HPG	27.55	-1.08%	-0.46	6.40
VNM	62.70	-1.26%	-0.40	2.09
GAS	68.40	-1.01%	-0.39	2.34

**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	66.30	3.11%	0.18	0.14
VIF	19.00	3.83%	0.16	0.35
KSF	40.70	1.75%	0.13	0.30
PTI	24.80	2.48%	0.05	0.12
DNP	19.70	2.07%	0.04	0.14

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	16.30	-2.98%	-0.27	0.89
MBS	29.80	-1.97%	-0.21	0.57
BAB	11.80	-2.48%	-0.17	0.96
IDC	55.70	-1.42%	-0.16	0.33
PVS	34.50	-1.43%	-0.15	0.48

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX**

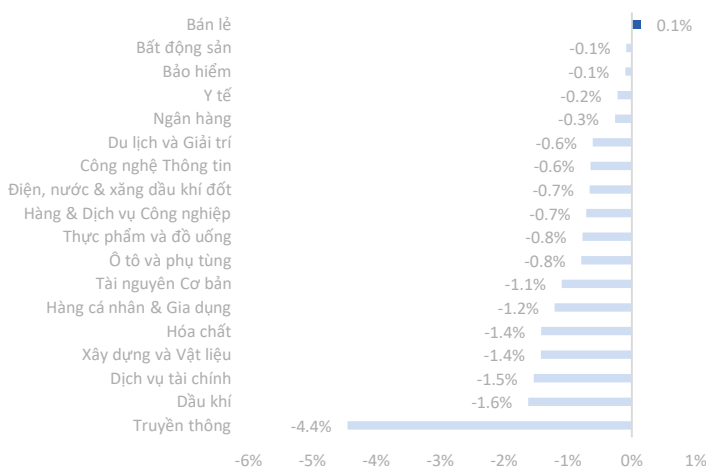
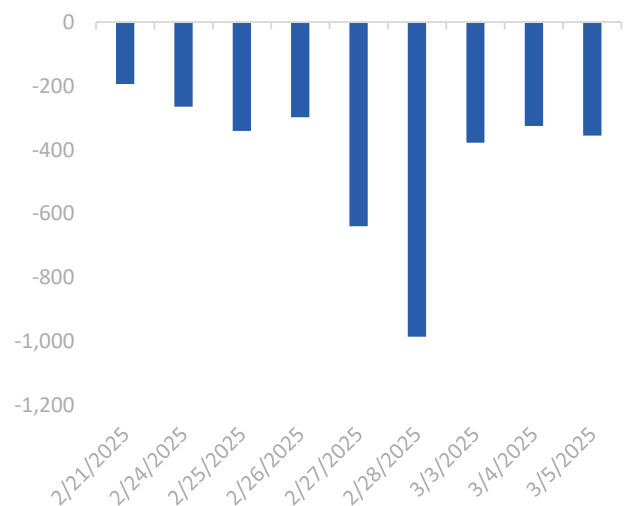
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

**Hình 1**  
**Diễn biến ngành cấp 2**

**Hình 2**  
**Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

**DANH MỤC BSC30**

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	93.0	0.0%	0.7	519,785	175.5	6,053	15.4		22.8%	
BID	Ngân hàng	40.7	-0.4%	0.8	286,472	115.3	3,574	11.4	47,000	16.8%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.0	-0.5%	1.1	151,538	307.2	1,989	9.6	25,500	24.9%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	139.1	-0.6%	1.0	205,950	398.1	5,365	26.1	163,000	44.4%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	27.3	-0.7%	1.2	194,283	480.8	3,054	9.0	31,400	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	23.6	0.6%	1.1	142,793	805.5	3,729	6.3	26,300	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	38.8	-1.0%	1.0	73,900	463.3	5,351	7.3		22.1%	
CTG	Ngân hàng	41.2	-1.0%	1.1	223,392	327.5	4,719	8.8		26.7%	
ACB	Ngân hàng	26.2	0.0%	0.8	116,803	313.3	3,759	7.0		30.0%	
SSI	Chứng khoán	26.1	-1.0%	1.2	51,695	749.1	1,536	17.2		38.7%	
IDC	BĐS KCN	55.7	-1.4%	1.1	18,645	100.9	6,050	9.3		21.9%	
HPG	VLXD	27.6	-1.1%	1.3	178,136	870.8	1,879	14.8	37,500	21.4%	<a href="#">Link</a>
HSG	VLXD	18.3	-2.1%	1.8	11,612	117.5	935	20.0	22,700	9.1%	<a href="#">Link</a>
VHM	BĐS	42.7	1.6%	1.1	172,717	894.9	7,286	5.8		12.1%	
KDH	BĐS	33.5	-0.7%	1.2	34,126	75.0	862	39.2		36.5%	
NLG	BĐS	32.9	-3.5%	1.5	13,131	177.3	1,331	25.6		41.2%	
DGC	Hóa chất	110.0	-1.8%	1.3	42,535	265.8	7,864	14.2	111,400	16.8%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	35.0	-1.0%	1.4	18,714	51.3	2,682	13.2	41,100	5.5%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	68.4	-1.0%	0.6	161,879	50.9	4,439	15.6	83,100	1.7%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	34.5	-1.4%	1.1	16,729	63.5	2,473	14.2	40,300	18.6%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	23.9	-2.1%	1.2	13,536	108.7	1,252	19.5	29,900	9.6%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	12.0	-1.7%	1.1	28,454	87.0	535	22.7		3.7%	
VHC	Thủy sản	70.7	-1.9%	1.1	16,183	62.4	5,496	13.1	70,000	26.7%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	60.0	-1.8%	0.8	25,294	148.3	4,634	13.2		43.7%	
VNM	Bán lẻ	62.7	-1.3%	0.7	132,712	143.5	4,494	14.1		50.6%	
MSN	Bán lẻ	68.2	-1.3%	1.3	99,390	433.3	1,345	51.4		25.4%	
MWG	Bán lẻ	59.6	0.2%	1.4	86,958	539.7	2,544	23.4		45.3%	
PNJ	Bán lẻ	93.0	-1.3%	0.7	31,831	88.3	6,305	14.9	111,500	49.0%	<a href="#">Link</a>
DGW	Bán lẻ	39.0	-1.9%	1.5	8,712	95.6	2,042	19.5	41,800	19.0%	<a href="#">Link</a>
CTR	Công nghệ	119.0	-0.8%	1.1	13,726	63.1	4,709	25.5		8.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

**DANH MỤC BSC50**

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	NN sở hữu	ROE (%)	Link tài báo cáo
C4G	Xây dựng	8.5	-0.81%	1.5	3,085	5.0	700	12.3	0.03%	4.68%	
PLC	Dầu khí	25.3	-2.69%	1.3	2,101	7.6	1,386	18.8	0.31%	3.37%	<a href="#">Link</a>
GVR	BĐS KCN	33.0	-1.49%	1.6	134,000	90.6	859	39.0	0.52%	8.18%	
BSR	Dầu khí	20.1	-1.47%	0.0	63,095	66.7	91	223.8	0.44%	1.11%	
ANV	Thủy sản	17.1	-1.44%	1.5	4,620	27.8	1,082	16.0	0.63%	1.71%	
QTP	Tiện ích	13.9	-0.14%	0.8	6,254	15.2	1,110	12.5	0.84%	12.52%	
HUT	Xây dựng	16.3	-2.98%	1.6	14,994	28.7	728	23.1	1.27%	1.59%	
CSV	Hóa chất	43.0	-1.72%	1.6	4,829	101.0	1,891	23.1	1.89%	16.53%	
SZC	BĐS KCN	44.7	-2.72%	1.3	8,261	81.6	1,268	36.2	2.32%	12.48%	<a href="#">Link</a>
LCG	Xây dựng	10.7	-0.93%	1.5	2,076	20.4	678	15.9	2.50%	5.22%	
EIB	Ngân hàng	22.0	-1.12%	0.8	41,446	382.6	2,225	10.0	2.90%	13.99%	<a href="#">Link</a>
VSC	Logistics	18.3	-1.08%	1.3	5,541	50.5	855	21.6	2.91%	9.08%	
DIG	BĐS	19.6	-2.01%	1.8	12,167	249.5	1,246	16.0	3.79%	1.36%	
CEO	BĐS	14.3	-2.05%	2.2	7,890	70.4	278	52.6	4.26%	3.16%	
IJC	BĐS	14.2	-2.75%	1.4	5,496	47.3	1,353	10.8	4.72%	7.91%	
SIP	BĐS KCN	89.7	-2.50%	0.0	19,369	62.3	3,766	24.4	4.94%	29.47%	
VIB	Ngân hàng	21.0	-0.47%	1.1	62,860	3452.8	3,235	6.5	4.99%	18.06%	
SHS	Chứng khoán	13.7	-0.72%	1.8	11,222	106.9	1,019	13.6	5.50%	9.43%	
VGC	BĐS KCN	49.3	-4.46%	1.3	23,135	77.7	1,981	26.1	5.78%	13.67%	
VTP	Logistics	158.3	0.83%	0.0	19,120	86.2	3,038	51.7	6.68%	24.12%	
HHV	Xây dựng	12.6	-2.33%	1.5	5,576	86.4	935	13.8	6.78%	4.78%	<a href="#">Link</a>
GEX	Tiện ích	22.8	-1.72%	2.0	19,939	320.3	1,788	13.0	7.90%	12.38%	<a href="#">Link</a>
DBC	Bán lẻ	30.5	-0.16%	1.4	10,207	189.9	2,181	14.0	9.37%	13.46%	<a href="#">Link</a>
PDR	BĐS	19.6	-2.74%	2.0	17,550	156.5	1,008	19.9	7.52%	5.00%	<a href="#">Link</a>
NKG	VLXD	15.5	-1.59%	1.8	7,049	150.0	751	21.0	8.03%	8.02%	<a href="#">Link</a>
DRC	Cao su	27.6	-1.08%	0.9	3,308	22.3	1,919	14.5	8.67%	12.30%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	36.3	-1.49%	1.4	14,421	123.1	1,385	26.6	9.25%	5.30%	<a href="#">Link</a>
VND	Chứng khoán	13.4	-1.11%	1.4	20,627	203.1	1,327	10.2	10.59%	9.49%	
PVT	Logistics	26.0	-1.14%	1.0	9,363	53.3	2,135	12.3	12.32%	15.07%	
QNS	Bán lẻ	50.4	0.10%	0.7	18,509	13.3	3,648	13.8	12.77%	25.58%	
HAH	Logistics	51.0	-2.11%	1.1	6,322	107.2	2,390	21.8	12.50%	21.91%	<a href="#">Link</a>
PC1	Tiện ích	23.6	-1.46%	1.3	8,548	42.8	1,468	16.3	15.50%	8.61%	
TNG	Dệt may	22.9	-1.29%	1.1	2,844	24.0	2,529	9.2	16.18%	17.47%	
HDB	Ngân hàng	22.9	-0.22%	1.0	80,212	311.5	3,628	6.3	17.31%	25.79%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	43.8	-1.69%	0.9	56,541	54.2	1,826	24.4	17.51%	11.12%	<a href="#">Link</a>
VRE	BĐS	17.8	0.28%	1.3	40,220	227.1	1,945	9.1	17.65%	10.27%	
PHR	BĐS KCN	65.5	-0.76%	1.2	8,943	32.1	1,810	36.5	18.40%	12.69%	
DXG	BĐS	15.9	-2.15%	1.8	14,151	155.3	260	62.6	19.46%	2.54%	<a href="#">Link</a>
KBC	BĐS KCN	30.2	-1.31%	1.4	23,489	150.4	5,211	5.9	19.34%	2.32%	
HDG	Tiện ích	27.5	-1.44%	1.2	9,367	88.0	2,890	9.6	20.04%	9.41%	
PTB	VLXD	59.1	-1.50%	0.6	4,016	5.2	5,521	10.9	23.28%	13.18%	<a href="#">Link</a>
VCI	Chứng khoán	37.1	-0.93%	1.4	26,893	337.4	780	48.0	26.34%	8.97%	
MSB	Ngân hàng	11.3	-0.88%	1.1	29,640	201.4	2,092	5.5	27.54%	16.21%	<a href="#">Link</a>
TPB	Ngân hàng	16.1	-0.62%	1.0	42,800	251.1	2,271	7.1	29.58%	17.27%	
FRT	Bán lẻ	181.5	1.11%	0.5	24,456	78.4	5,285	34.0	33.70%	18.09%	
DHC	Hóa chất	35.2	-1.13%	0.9	2,862	11.1	3,727	9.5	39.47%	12.58%	<a href="#">Link</a>
BSI	Chứng khoán	54.0	-2.17%	1.5	12,313	44.0	1,973	28.0	41.21%	8.48%	
HCM	Chứng khoán	31.3	-0.95%	1.3	22,751	419.9	1,611	19.6	43.26%	11.09%	
CTD	Xây dựng	91.4	-0.11%	1.2	9,144	151.4	4,303	21.3	48.98%	4.36%	<a href="#">Link</a>
REE	Tiện ích	73.1	0.00%	1.1	34,431	59.9	5,115	14.3	49.00%	11.01%	
BMP	VLXD	125.9	4.39%	1.0	9,872	81.5	12,582	9.6	82.91%	36.75%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

**DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY**

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025	x		<a href="#">Click</a>
2	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		<a href="#">Click</a>
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		<a href="#">Click</a>
16	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	<a href="#">Click</a>
17	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	<a href="#">Click</a>
18	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	<a href="#">Click</a>
19	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	<a href="#">Click</a>
20	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	<a href="#">Click</a>
21	BSC_Báo cáo ngành điện		x	<a href="#">Click</a>
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		<a href="#">Click</a>
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		<a href="#">Click</a>

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

### Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

#### Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu  
Longtt@bsc.com.vn

#### Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu  
Vĩ mô – Thị trường  
Khoabn@bsc.com.vn

#### Nhóm vĩ mô thị trường

##### Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích  
Anhvv@bsc.com.vn

##### Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích  
Anhng@bsc.com.vn

#### Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu  
Định lượng  
Phuongdt@bsc.com.vn

##### Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích  
Tungtt1@bsc.com.vn

##### Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích  
Ngocld@bsc.com.vn

#### Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu  
Ngành – Doanh nghiệp  
Buupq@bsc.com.vn

##### Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích  
Thaopt1@bsc.com.vn

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (024) 3935 2722  
Fax: (024) 2220 0669

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM  
Tel: (028) 3821 8885  
Fax: (028) 3821 8879

### Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(024) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(024) 39264 659 ☎

### Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn  
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>